

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HS-ST
Ngày: 22/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khoa
2. Bà Mã Thị Huệ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên

Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:
Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 68/2023/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST- HS ngày 11/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phương Văn N; giới tính: Nam; tên gọi khác: không có; Sinh ngày 19 tháng 10 năm 1986, tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 09/12; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C; Con ông Phương Văn H, sinh năm 1963 và bà Phương Thị R, sinh năm 1963 cùng làm nghề trồng trọt và trú tại xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C; Vợ: Trương Thị Hạnh, sinh năm 1988; trú tại: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C; nghề nghiệp: trồng trọt; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2020; Bị cáo là con cả trong gia đình có ba anh em; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 23/5/2023; đến ngày 16/6/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt.

2. Họ và tên: Đàm Văn T; giới tính: nam; tên gọi khác: không có; Sinh ngày 23 tháng 11 năm 1988, tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 6/12; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C; Con ông Đàm Văn C, sinh năm 1960 và bà Bé Thị D, sinh năm 1959, cùng làm nghề trồng trọt và trú tại xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C; Vợ: Dương Thị L, sinh năm

1992 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2010, hiện đang sống cùng bố; Bị cáo là con út trong gia đình có 05 anh, chị em; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 23/5/2023 đến ngày 01/6/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ và tên: Đàm Văn C; giới tính: nam; tên gọi khác: không có; Sinh ngày 16 tháng 02 năm 1985, tại huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 06/12; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C; Con ông Đàm Văn C, sinh năm 1960 và bà Bé Thị D, sinh năm 1959, cùng làm nghề trồng trọt và trú tại xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C; Vợ: Dương Thị V, sinh năm 1983; trú tại xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C; nghề nghiệp: trồng trọt; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2006, hiện đang sống cùng bố mẹ; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 05 chị em; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 23/5/2023 đến ngày 01/6/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn C; sinh năm 2000

Nơi cư trú: Xóm V, xã Q, huyện T, tỉnh C. Có mặt.

2. Phương Văn D; sinh năm 1963

Nơi cư trú: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 20 phút ngày 22/5/2023, Tổ công tác của Đội điều tra tổng hợp Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng phối hợp với Công an xã Quang Hán làm nhiệm vụ tại xóm V, xã Q phát hiện 02 xe ô tô tải thùng, cụ thể xe ô tô biển kiểm soát 29C-294.37 do Phương Văn N, sinh năm 1986, trú tại xóm C, xã Q, huyện T điều khiển trên xe chở 08 con ngựa và xe ô tô biển kiểm soát 11C-059.06 do Nguyễn Văn B, sinh năm 2000, trú tại xóm V, xã Q, huyện T điều khiển trên xe chở 06 con ngựa. Phương Văn N và Nguyễn Văn B đều không xuất trình được các giấy tờ liên quan về số ngựa trên. Tổ công tác tiến hành đưa 02 xe ô tô và số ngựa trên về trụ sở Công an huyện Trùng Khánh để làm rõ.

Cơ quan điều tra tiến hành tạm giữ của Phương Văn N 01 xe ô tô tải thùng nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 29C-294.37 trên xe có 08 con ngựa; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A57. Tạm giữ của Nguyễn Văn B 01 xe ô tô tải thùng nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 11C-059.06 trên xe có 06 con

ngựa; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX. Tạm giữ của Đàm Văn T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO RENO4. Tạm giữ của Đàm Văn C 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO.

Quá trình điều tra xác định, ngày 22/5/2023, Phương Văn N gọi điện qua ứng dụng Wechat với một người đàn ông Trung Quốc tên K mua 14 con ngựa với giá 70.000.000 đồng đưa về Việt Nam bán cho Trần Xuân B, sinh năm 1973, trú tại xóm S, xã N, huyện T, tỉnh B để kiếm lời. Chiều 22/5/2023, N thuê Đàm Văn T, sinh năm 1988 và Đàm Văn C, sinh năm 1985 cùng trú tại xóm T, xã Q, huyện T lên mốc 729 biên giới Việt Nam - Trung Quốc nhận ngựa với người Trung Quốc và dắt về Việt Nam, trả tiền công mỗi con 200.000 đồng (chỉ tính tiền con to). Biết Hoàng Văn T1, sinh năm 1977, trú tại xóm C, xã Q, huyện T làm ăn với bên Trung Quốc và có tiền Trung Quốc nên N gọi điện thoại cho T1 nhờ chuyển tiền mua ngựa cho người Trung Quốc. Nhận ngựa xong, ngày hôm sau N sẽ trả tiền cho T1. Khoảng 17 giờ ngày 22/5/2023, N gọi điện thoại thuê Nguyễn Văn B chở ngựa từ nhà văn hoá xóm T, xã Q về nhà N ở xóm C, xã Q với số tiền 400.000 đồng. Đến 19 giờ cùng ngày, Đàm Văn T, Đàm Văn C lên mốc 729 nhận 14 con ngựa với người Trung Quốc và dắt về đến nhà văn hoá xóm T. Trong lúc đuổi ngựa lên xe ô tô tải thì Đàm Văn C1, sinh năm 1960, Bé Thị D, sinh năm 1959 đều trú tại xóm T, xã Q, huyện T và Triệu Thị T2, sinh năm 1990, trú tại xóm V, xã Q, huyện T là người nhà của T, C thấy nên vào giúp T, C đuổi ngựa lên xe. Sau đó, N điều khiển xe ô tô đi trước, B điều khiển xe ô tô của mình theo sau, đến xóm V, xã Q thì bị lực lượng chức năng phát hiện.

Ngày 23/5/2023, Cơ quan điều tra tiến hành đánh số trên thân ngựa từ số 1 đến 14 và cân khối lượng, cụ thể 08 con ngựa đánh số 1 đến 8 trên xe ô tô biển kiểm soát 29C-294.37 có khối lượng 1.284 kg; 06 con ngựa đánh số 9 đến 14 trên xe ô tô biển kiểm soát 11C-059.06 có khối lượng 900 kg. Tổng cộng 2.194 kg. Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 31/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trùng Khánh kết luận 14 con ngựa trưởng thành thời điểm ngày 22/5/2023 có trị giá 263.280.000 đồng.

Quá trình gửi chăm nuôi, con ngựa đánh số 12 bị chết do sốc nhiệt, viêm đường hô hấp cấp tính, Cơ quan điều tra đã tiến hành tiêu huỷ bằng cách chôn lấp theo quy định. Ngày 03/6/2023, Cơ quan điều tra bán 13 con ngựa là vật chứng của vụ án được 242.040.000 đồng, trả chi phí chăm nuôi, thuốc men 19.441.000 đồng còn 222.599.000 đồng tạm gửi Kho bạc Nhà nước huyện Trùng Khánh đúng theo quy định.

Lời khai của các bị can phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người làm chứng.

Vật chứng của vụ án được Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để đảm bảo việc xét xử vụ án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng số: 70/CT-VKSTK ngày 16/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố. Cáo trạng mà Viện kiểm

sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, các bị cáo không thay đổi lời khai và không khai thêm nội dung gì khác.

Trong bản luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị:

Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Phương Văn N phạm tội Buôn lậu.
- Tuyên bố các bị cáo Đàm Văn T và Đàm Văn C phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 188; Điều 17; Điều 35; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phương Văn N. Xử phạt tiền đối với bị cáo Phương Văn N từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

-Áp dụng khoản 1 Điều 189; Điều 17; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đàm Văn T và Đàm Văn C. Xử phạt đối với các bị cáo Đàm Văn T và Đàm Văn C từ mức án từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ đối với các bị cáo:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 222.599.000 đồng.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 tạm giữ với Phương Văn N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 4 tạm giữ với Đàm Văn T.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO cho bị cáo Đàm Văn C.

Trả lại 01 xe ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 29C-294.37 cho ông Phương Văn D.

Mở phong toả tài khoản 83052050021264 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Trà Lĩnh của Phương Văn N.

Truy thu đối với bị cáo Phương Văn N số tiền 70.000.000đ là số tiền bị cáo mua ngựa nhưng chưa thanh toán tiền cho người đàn ông tên Kỳ bên Trung Quốc; số tiền 1.800.000đ thuê T và C dắt ngựa qua biên giới; 400.000đ số tiền thuê B trở ngựa nhưng chưa thanh toán.

-Đối với Nguyễn Văn B đã được hủy bỏ Quyết định khởi tố để xử lý vi phạm hành chính nên các tài sản, vật chứng đã được Cơ quan điều tra trả lại cho Nguyễn Văn B gồm các vật chứng sau:

+01 (một) Ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu KIA. biển kiểm soát: 11C-059.06. Số máy: JT664031. Số khung: RNHA500AKEC036313 (đã qua sử dụng) tạm giữ đối với Nguyễn Văn B.

+01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Nguyễn Văn B.

Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/9/2023.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo không có gì cần tranh luận với phần luận tội của Viện kiểm sát.

Phần nói lời sau cùng: Các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, được hưởng mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nhận định của hội đồng xét xử về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội, về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Xét Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận định tài sản và phù hợp với lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Vì nhằm mục đích tư lợi cá nhân nên ngày 22/5/2023, Phương Văn N gọi điện qua ứng dụng Wechat với một người đàn ông Trung Quốc tên K mua 14 con ngựa với giá 70.000.000 đồng đưa về Việt Nam mục đích sẽ bán cho Trần Xuân B, sinh năm 1973, trú tại xóm S, xã N, huyện T, tỉnh B để kiếm lời. Chiều 22/5/2023, N đã thuê các bị cáo Đàm Văn T và Đàm Văn C lên mốc 729 biên giới Việt Nam - Trung Quốc nhận ngựa với người Trung Quốc và dắt về Việt Nam, N sẽ trả tiền công mỗi con 200.000 đồng (chỉ tính tiền con to). Khoảng 17 giờ ngày 22/5/2023, N gọi điện thuê Nguyễn Văn B chở ngựa từ nhà văn hoá xóm T, xã Q về nhà N ở xóm C, xã Q với số tiền 400.000 đồng. Đến 19 giờ cùng ngày, Đàm Văn T, Đàm Văn C lên mốc 729 nhận 14 con ngựa với người Trung Quốc và dắt về đến nhà văn hoá xóm T. Sau đó, số ngựa được đưa lên 2 xe ô tô (xe của N 8 con, xe của B 6 con), khi đang di chuyển số ngựa trên về nhà N tại xóm C, xã Q khi đến xóm V, xã Q thì bị lực lượng chức năng phát hiện. Tổng giá trị tài sản Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 31/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trùng Khánh kết luận 14 con ngựa trưởng thành thời điểm ngày 22/5/2023 có trị giá 263.280.000 đồng.

Do đó, hành vi của bị cáo N đã cấu thành tội “Buôn lậu” và hành vi của các bị cáo Đàm Văn T và Đàm Văn C đã cấu thành tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 188 và 1 Điều 189 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân dân huyện Trùng Khánh truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 188 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào buôn bán qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Điều 189 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào vận chuyển qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm...”

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong quản lý ngoại thương, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa nhưng do hàm lợi các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích thu lời, kiếm lời bất chính. Hành vi của các bị cáo không những gây thất thu cho ngân sách nhà nước mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng tới trật tự, an ninh xã hội, vì vậy cần xử lý nghiêm, mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng ngừa chung.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Phương Văn N giữ vai trò chính trong vụ án, vì N là người trực tiếp trao đổi việc mua ngựa từ Trung Quốc mang về Việt Nam tiêu thụ, sau khi tìm được ngựa bị cáo đã thuê các bị cáo T và C qua đất ngựa từ cột mốc 729 biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc về Việt Nam bán lại kiếm lời bất chính nên phải chịu mức hình phạt cao hơn; tiếp theo là các bị cáo Đàm Văn T và Đàm Văn C có vai trò ngang nhau, các bị cáo đã tích cực trong việc vận chuyển số hàng hóa trên qua biên giới nhằm mục đích được trả tiền công nên các bị cáo T và C phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình nhưng thấp hơn bị cáo N.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo N, T và C đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị

cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình.

Các bị cáo Đàm Văn T và Đàm Văn C đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai ra hành vi của Phương Văn N vì sau khi N bị bắt giữ số ngựa nhưng đã không thừa nhận số ngựa do mình mua từ Trung Quốc về Việt Nam tiêu thụ. Nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T và C.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giá trị hàng hóa bị cáo N buôn lậu và các bị cáo T, C vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mà áp dụng mức hình phạt tiền tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo N đã gây ra cũng đủ để răn đe và giáo dục bị cáo. Đối với các bị cáo T và C không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính vì các bị cáo là hộ cận nghèo nên việc áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là không có khả năng thi hành án nên không đạt được mục đích của hình phạt. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng cho hưởng án treo và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo sinh sống để giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

- Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 188, khoản 4 Điều 189 của Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, đối với bị cáo N hình phạt chính đã áp dụng hình phạt tiền và các bị cáo T và C đều là hộ cận nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị về hình phạt của Kiểm sát viên đã nêu là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi các bị cáo thực hiện nên cần chấp nhận.

[5] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền và tài sản sau vì liên quan đến hành vi phạm tội:

+Số tiền 222 599.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng).

+Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 tạm giữ với Phương Văn N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 4 tạm giữ với Đàm Văn T.

-Trả lại cho bị cáo Đàm Văn C 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước phong bì ghi “01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Đàm Văn C mặt sau phong bì có chữ ký của Đàm Văn C, các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình con dấu mực đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng vì quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho Phương Văn D; sinh năm 1963, Nơi cư trú: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C 01 (một) Ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu KIA. biển kiểm soát: 29C-294.37. số máy: J37238840. Số khung: RN3HAP8N18K273030 (đã qua sử dụng) tạm giữ đối với Phương Văn N. Đây là phương tiện bị cáo N đã sử dụng vào việc vận chuyển ngựa, nhưng quá trình điều tra xác định được đây là tài sản của ông Phương Văn D, việc bị cáo sử dụng xe vào việc buôn lậu ông D không biết. Do đó, cần trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xác nhận vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/8/2023.

- Đối với số tài khoản: 830 520 502 1264 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Trà Lĩnh mang tên Phương Văn N bị áp dụng lệnh phong tỏa số: 01/LPT-CSĐT ngày 23/5/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh. Quá trình điều tra xác định số tiền trong tài khoản là số tiền bị cáo mượn của ông Trần Xuân B để lấy vốn làm ăn, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo, bị áp dụng hình phạt là phạt tiền nhưng bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh là 80.000.000đ theo các Biên lai thu tiền số: 0003102 ngày 13/9/2023 và số: 0003112 ngày 22/9/2023. Hiện nay số tiền trong tài khoản hiện có lớn hơn số tiền bị cáo phải thi hành. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 130 Bộ luật tố tụng hình sự xét thấy không cần thiết phải áp dụng lệnh phong tỏa tài khoản. Nên hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số: 01/LPT-CSĐT ngày 23/5/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh về việc phong tỏa tài khoản số: 830 520 502 1264 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Trà Lĩnh mang tên Phương Văn N để chủ sở hữu quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

Truy thu đối với bị cáo Phương Văn N số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) là số tiền bị cáo mua ngựa nhưng chưa thanh toán tiền cho người đàn ông tên K bên Trung Quốc vì đây là số tiền thực hiện vào hành vi phạm tội; số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) thuê T và C dắt ngựa qua biên giới và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) số tiền thuê B trở ngựa nhưng chưa thanh toán vì đây là số tiền thu lợi bất chính nên cần truy thu để sung vào công quỹ nhà nước. Tổng số tiền cần phải truy thu để sung công quỹ nhà nước là 72.200.000 đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

- Đối với Nguyễn Văn B đã có quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can để xử lý vi phạm hành chính nên các tài sản, vật chứng đã được Cơ quan điều tra trả lại cho Nguyễn Văn B gồm các vật chứng sau:

+01 (một) Ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu KIA. biển kiểm soát: 11C-059.06. Số máy: JT664031. Số khung: RNHA500AKEC036313 (đã qua sử dụng) tạm giữ đối với Nguyễn Văn B.

+01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn. mặt trước phong bì ghi "01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Nguyễn Văn B" mặt sau phong bì có chữ ký của Nguyễn Văn B. các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình con dấu mực do của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/9/2023. Việc trả lại các vật chứng, tài sản của cơ quan điều tra cho Nguyễn Văn B là đúng với quy định của pháp luật.

[6] Về nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm: Cần buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Liên quan trong vụ án:

Đối với Nguyễn Văn B được Phương Văn N thuê chở ngựa từ nhà văn hoá xóm T đến xóm C, xã Q. B không biết mục đích N vận chuyển ngựa về để làm gì, không được bàn bạc gì với Đàm Văn T, Đàm Văn C về việc vận chuyển ngựa từ Trung Quốc về Việt Nam nên hành vi không cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra đã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý vận chuyển hàng hoá nhập lậu là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với Hoàng Văn T1 được Phương Văn N nhờ thanh toán tiền cho bên Trung Quốc không biết N lấy ngựa với ai, lấy ngựa về làm gì, số tiền được nhờ thanh toán chưa đến 100.000.000 đồng. T1 cũng chưa được thanh toán tiền cho người Trung Quốc nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý T1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với Trần Xuân B có đặt mua ngựa với Phương Văn N nhưng không biết nguồn gốc ngựa lấy từ đâu về nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý B là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với Đàm Văn C, Bê Thị D, Triệu Thị T giúp Đàm Văn T, Đàm Văn C đuổi ngựa lên xe không biết nguồn gốc số ngựa trên từ đâu mà có nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý những người này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với người Trung Quốc tên là K đã bán ngựa cho N. Do không biết họ tên đệm và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không đủ điều kiện để xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phương Văn N phạm tội “*Buôn lậu*”;

Các bị cáo Đàm Văn T, Đàm Văn C phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 188; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phương Văn N. Xử phạt tiền đối với bị cáo Phương Văn N số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Bị cáo đã nộp số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), theo các Biên lai thu tiền số: 0003102 ngày 13/9/2023 và số: 0003112 ngày 22/9/2023 của

Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, bị cáo còn phải thi hành tiếp số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189; Điều 17; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65, Bộ luật Hình sự; Nghị Quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc: Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo Đàm Văn T và Đàm Văn C.

- Xử phạt bị cáo Đàm Văn T mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 12 tháng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Đàm Văn C mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 12 tháng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đàm Văn T và Đàm Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh C giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ Số tiền 222 599.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng) đã kiểm đếm đầy đủ.

+ 01 (một) điện thoại di động được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn. mặt trước phong bì ghi “01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Phương Văn N mặt sau phong bì có chữ ký của Phương Văn N. các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình con dấu mực đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

+ 01 (một) điện thoại di động được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn. mặt trước phong bì ghi "01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Đàm Văn T mặt sau phong bì có chữ ký của Đàm Văn T, các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình con dấu mực đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Trả lại cho bị cáo Đàm Văn C 01 (một) điện thoại di động được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước phong bì ghi “01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Đàm Văn C mặt sau phong bì có chữ ký của Đàm Văn C, các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình con dấu mực đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Trả lại cho Phương Văn D; sinh năm 1963, Nơi cư trú: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh C 01 (một) Ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu KIA. biển kiểm soát: 29C-294.37.

số máy: J37238840. Số khung: RN3HAP8N18K273030 (đã qua sử dụng) tạm giữ đối với Phương Văn N.

Xác nhận các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/8/2023.

- Truy thu đối với bị cáo Phương Văn N số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) là số tiền bị cáo mua ngựa nhưng chưa thanh toán tiền cho người đàn ông tên K bên Trung Quốc vì đây là số tiền thực hiện vào hành vi phạm tội; số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) thuê T và C dắt ngựa qua biên giới và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) số tiền thuê B trở ngựa nhưng chưa thanh toán. Vì đây là những số tiền thu lợi bất chính nên cần truy thu để sung vào công quỹ nhà nước. Tổng số tiền cần phải truy thu để sung công quỹ nhà nước là 72.200.000 đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

- Áp dụng khoản 2 điều 130 Bộ luật tố tụng hình sự, Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số: 01/LPT-CSĐT ngày 23/5/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh về việc phong tỏa tài khoản số: 830 520 502 1264 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Trà Lĩnh mang tên Phương Văn N, để chủ sở hữu hợp pháp quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc các bị cáo Phương Văn N, Đàm Văn T và Đàm Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến phần quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- Các bị cáo; người có LNVLQ;
- Ngân hàng Agribank Chi nhánh Trà Lĩnh.
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Quốc Hùng

